



Biểu số 53/CK-NSNN
Thông tư số 323/2016/TT-BTC

DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN CỦA NGÂN SÁCH CẤP TỈNH CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2020

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân thành phố thông qua)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó		Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi khác
											Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản			
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	TỔNG SỐ CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC	18.864.779	2.719.803	1.036.705	1.108.505	364.217	57.604	503.793	2.200.718	5.591.496	1.456.605	309.236	3.238.255	1.319.108	460.709
1	Văn phòng Đoàn đại biểu quốc hội và Hội đồng nhân dân thành phố	71.087	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	71.087	-	-
2	Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố	202.854	-	-	-	14.042	-	-	-	-	-	-	188.812	-	-
3	Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn	502.593	10.002	45.605	-	-	-	-	-	305.719	-	305.719	141.267	-	-
4	Sở Kế hoạch và Đầu tư	73.370	-	-	-	-	-	-	-	17.304	-	-	56.066	-	-
5	Sở Tư pháp	64.929	-	-	-	-	-	-	-	7.749	-	-	57.180	-	-
6	Sở Công Thương	105.458	19.155	-	-	-	-	-	-	28.937	-	-	57.366	-	-
7	Sở Khoa học và Công nghệ	321.260	-	288.450	-	-	-	-	-	-	-	-	32.810	-	-
8	Sở Tài chính	70.205	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	70.205	-	-
9	Sở Xây dựng	2.768.426	15.044	-	-	-	-	-	356.318	2.099.676	-	-	297.388	-	-
10	Sở Giao thông vận tải	2.910.295	31.405	-	-	-	-	-	-	2.688.004	1.404.912	-	190.886	-	-
11	Sở Giáo dục và Đào tạo	2.233.213	2.182.169	-	-	-	-	-	-	-	-	-	51.044	-	-
12	Sở Y tế	1.054.086	-	-	1.002.981	-	-	-	-	-	-	-	51.105	-	-

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chỉ giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chỉ khoa học và công nghệ	Chỉ y tế, dân số và gia đình	Chỉ văn hóa thông tin	Chỉ phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chỉ thể dục thể thao	Chỉ bảo vệ môi trường	Chỉ các hoạt động kinh tế	Trong đó		Chỉ hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Chỉ bảo đảm xã hội	Chỉ khác
											Chỉ giao thông	Chỉ nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản			
13	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	1.140.682	51.536	-	30.955	-	-	-	-	13.043	-	-	60.183	984.965	-
14	Sở Tài nguyên và Môi trường	1.988.704	-	-	-	-	-	-	1.844.400	75.636	3.763	-	68.668	-	-
15	Sở Thông tin và Truyền thông	585.255	-	548.409	-	13.272	-	-	-	2.546	-	-	21.028	-	-
16	Sở Du lịch	69.394	-	-	-	-	-	-	-	55.270	-	-	14.124	-	-
17	Sở Văn hóa và Thể thao	870.096	18.265	-	-	309.520	-	503.793	-	-	-	-	38.518	-	-
18	Sở Nội vụ	250.016	80.000	-	-	9.154	-	-	-	-	-	-	160.862	-	-
19	Thanh tra thành phố Hồ Chí Minh	63.779	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	63.779	-	-
20	Sở Quy hoạch - Kiến trúc	54.271	-	-	-	-	-	-	-	7.925	-	-	46.346	-	-
21	Đài Tiếng nói nhân dân	57.604	-	-	-	-	57.604	-	-	-	-	-	-	-	-
22	Liên minh Hợp tác xã thành phố	5.407	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	5.407	-	-
23	Ban Dân tộc	24.061	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	24.061	-	-
24	Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp thành phố	500	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	500	-	-
25	Thành Ủy	1.064.393	42.680	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1.021.713	-	-
26	Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam thành phố Hồ Chí Minh	43.328	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	43.328	-	-
27	Thành Đoàn	117.890	6.898	-	-	18.229	-	-	-	21.852	-	-	70.911	-	-
28	Hội Liên hiệp phụ nữ thành phố Hồ Chí Minh	28.125	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	27.562	563	-

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó		Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi khác
											Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản			
29	Hội Nông dân thành phố Hồ Chí Minh	15.787	-	-	-	-	-	-	-	6.929	-	-	8.858	-	-
30	Hội Cựu chiến binh thành phố Hồ Chí Minh	7.924	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	7.924	-	-
31	Trường Trung cấp Nghề Kỹ thuật Nghiệp vụ Tôn Đức Thắng	7.273	7.273	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
32	Liên hiệp các Hội Khoa học và kỹ thuật thành phố	6.936	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	6.936	-	-
33	Liên hiệp các Tổ chức hữu nghị thành phố	6.359	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	6.359	-	-
34	Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật thành phố	10.142	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	10.142	-	-
35	Hội Nhà văn thành phố	4.353	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	4.353	-	-
36	Hội Nhà báo thành phố	2.830	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2.830	-	-
37	Hội Luật gia thành phố	1.059	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1.059	-	-
38	Hội Chữ thập đỏ thành phố	3.959	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3.959	-	-
39	Hội Âm nhạc thành phố	8.426	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	8.426	-	-
40	Hội Điện ảnh thành phố	4.426	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	4.426	-	-
41	Hội Nghệ sĩ múa thành phố	3.455	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3.455	-	-
42	Hội Kiến trúc sư thành phố	2.860	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2.860	-	-

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó		Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi khác
											Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản			
43	Hội Mỹ thuật thành phố	3.758	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3.758	-	-
44	Hội Sân khấu thành phố	4.107	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	4.107	-	-
45	Hội Văn học nghệ thuật các dân tộc thiểu số thành phố	2.179	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2.179	-	-
46	Hội Nhiếp ảnh thành phố	2.286	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2.286	-	-
47	Hội Người mù thành phố	4.289	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	4.289	-	-
48	Hội Đông y thành phố	690	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	690	-	-
49	Hội Nạn nhân chất độc da cam/dioxin thành phố	567	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	567	-	-
50	Hội Cựu thanh niên xung phong thành phố	642	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	642	-	-
51	Hội Bảo trợ người khuyết tật và trẻ mồ côi thành phố	506	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	506	-	-
52	Hội Khuyến học thành phố	945	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	945	-	-
53	Bảo hiểm xã hội thành phố	56.304	-	-	56.304	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
54	Công an Thành phố	52.278	52.278	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
55	Cục Thi hành án dân sự	2.332	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2.332
56	Cục Thống kê	5.028	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	5.028
57	Hội đồng xử lý vàng bạc thành phố	130	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	130
58	Kiểm toán Nhà nước Khu vực IV	900	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	900
59	Sở Ngoại vụ	21.800	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	21.800
60	Tòa án Nhân dân thành phố	7.758	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	7.758

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó		Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi khác
											Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản			
61	Viện Kiểm sát Nhân dân thành phố	6.010	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	6.010
62	Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng thành phố	385	385	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
63	Bộ Tư lệnh thành phố Hồ Chí Minh	10.063	10.063	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
64	Ban Quản lý An toàn thực phẩm thành phố	144.097	-	-	18.265	-	-	-	-	-	-	-	125.832	-	-
65	Học viện Cán bộ thành phố	5.858	5.858	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
66	Trường Đại học Sài Gòn	159.840	159.840	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
67	Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch	1.566	1.566	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
68	Ban liên lạc Cựu tù chính trị và tù binh thành phố	258	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	258	-	-
69	Ban Quản lý Đầu tư - Xây dựng Khu đô thị mới Thủ Thiêm	14.175	-	-	-	-	-	-	-	600	-	-	13.575	-	-
70	Ban Quản lý Đầu tư - Xây dựng Khu đô thị Tây Bắc thành phố	9.516	-	-	-	-	-	-	-	400	-	-	9.116	-	-
71	Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng Khu đô thị mới Nam thành phố	11.775	-	-	-	-	-	-	-	400	-	-	11.375	-	-
72	Đảng đoàn Hiệp hội doanh nghiệp	180	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	180	-	-
73	Hội Dược học thành phố	68	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	68	-	-

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó		Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi khác
											Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản			
74	Hội Khoa học, kỹ thuật và xây dựng thành phố	236	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	236	-	-
75	Hội Lâm vườn và trang trại thành phố	282	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	282	-	-
76	Hội Sinh vật cảnh thành phố	260	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	260	-	-
77	Hội Y học thành phố	348	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	348	-	-
78	Ủy ban về người Việt Nam ở nước ngoài thành phố	8.906	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	8.906	-	-
79	Lực lượng thanh niên xung phong	423.868	12.223	-	-	-	-	-	-	78.065	-	-	-	333.580	-
80	Hiệp hội doanh nghiệp thành phố	966	-	-	-	-	-	-	-	966	-	-	-	-	-
82	Trung tâm Xúc tiến thương mại và đầu tư thành phố Hồ Chí Minh	63.573	-	-	-	-	-	-	-	63.573	-	-	-	-	-
83	Ban Quản lý Công viên Lịch sử - Văn hóa Dân tộc	35.041	-	-	-	-	-	-	-	35.041	-	-	-	-	-
84	Ban Quản lý Khu Công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh	79.792	4.228	41.389	-	-	-	-	-	7.606	-	-	26.569	-	-
85	Ban Quản lý Khu Nông nghiệp Công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh	94.201	8.935	62.894	-	-	-	-	-	12.485	-	-	9.887	-	-
86	Ban Đổi mới quản lý doanh nghiệp thành phố	4.083	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	4.083	-	-
87	Viện nghiên cứu phát triển thành phố	56.862	-	49.958	-	-	-	-	-	6.904	-	-	-	-	-
88	Ban An toàn giao thông thành phố	3.518	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3.518	-	-
89	Ban Quản lý đường sắt đô thị	1.953	-	-	-	-	-	-	-	1.953	-	-	-	-	-

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó		Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi khác
											Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản			
90	Công ty TNHH MTV Quản lý và khai thác dịch vụ Thủy lợi	3.517								3.517		3.517			
91	Công ty DVCI TN Xung phong	47.930								47.930	47.930				
92	Lực lượng thanh niên xung phong	1.466								1.466					
93	Chi khác	416.751													416.751